BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BVHTTDL ***Dự thảo***	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 16 về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Nghị định số 366/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Trung tâm), bao gồm quy định về vị trí, chức năng, tên gọi; nguyên tắc hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; chế độ thông tin, báo cáo của Trung tâm; quản lý viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Trung tâm là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; là cơ quan đại diện của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Việt Nam ở nước ngoài.

2. Trung tâm có tài khoản và con dấu riêng.

3. Trung tâm có chức năng tổ chức, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá văn hoá, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ở nước ngoài; xúc tiến du lịch, hỗ trợ các hoạt động thể thao và các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; phối hợp với Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác, tăng cường hiểu biết của nhân dân quốc gia tiếp nhận với Việt Nam; thông tin tình hình kinh tế-xã hội, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng mối quan hệ giữa cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với Tổ quốc.

Điều 4. Tên gọi Trung tâm

1. Tên gọi của Trung tâm được thể hiện bằng tiếng Việt, tiếng của quốc gia nơi đặt trụ sở và tên giao dịch bằng tiếng Anh.

2. Tên gọi của Trung tâm bằng tiếng Việt bao gồm cụm từ "Trung tâm văn hoá Việt Nam tại" tên thủ đô/địa phương tiếp nhận hoặc/và tên quốc gia tiếp nhận.

3. Tên Trung tâm theo tiếng của quốc gia nơi đặt trụ sở thực hiện theo quy định của quốc gia đó.

4. Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Trung tâm gồm cụm từ "Viet Nam Cultural Centre in" tên thủ đô/địa phương tiếp nhận hoặc/và tên quốc gia tiếp nhận.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Trung tâm

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các chính sách, chiến lược, quy hoạch của ngành văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch.

2. Tôn trọng luật pháp và thông lệ quốc tế; thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tuân thủ pháp luật, tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của nước sở tại.

3. Chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm bí mật nhà nước và hiệu quả hoạt động đối ngoại của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Đề xuất Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Phê duyệt kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn và hàng năm của Trung tâm;

b) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, quy định ưu đãi, hỗ trợ thiết chế tổ chức các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Phê duyệt cho phép việc ký kết văn bản hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, thẩm quyền của Trung tâm.

2. Tổ chức các hoạt động, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ được cơ quan, người có thẩm quyền giao:

a) Chương trình quảng bá văn hoá, nghệ thuật, thương hiệu văn hóa, sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, giáo dục, khoa học-kỹ thuật, xúc tiến du lịch, ẩm thực, thể thao, y học dân tộc cổ truyền và các hoạt động văn hoá khác; giao lưu văn hoá, thể thao và du lịch giữa Việt Nam với quốc gia nơi đặt trụ sở;

b) Giới thiệu về Việt Nam xưa và nay trong các lĩnh vực của đời sống xã hội;

c) Giảng dạy tiếng Việt và văn hoá nghệ thuật nhằm duy trì tiếng Việt và nghệ thuật truyền thống của Việt Nam trong cộng đồng người Việt Nam ở quốc gia nơi đặt trụ sở;

d) Chương trình khảo sát, nghiên cứu thực địa, tìm hiểu văn hoá ở quốc gia nơi đặt trụ sở cho các đoàn công tác của Việt Nam;

e) Hội thảo, tọa đàm, trao đổi, nói chuyện về văn hoá, nghệ thuật, thể thao, du lịch, công nghiệp văn hóa và sáng tạo và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

g) Thông tin, tuyên truyền về các hoạt động văn hóa và các hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi có sự tham gia của Việt Nam tới cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

h) Nghiên cứu chính sách và thực tiễn về phát triển văn hóa, các hoạt động trong lĩnh vực vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên môi trường số của nước sở tại và hoạt động của các thiết chế văn hóa nước ngoài tại nước sở tại;

i) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, đánh giá kinh nghiệm xây dựng và phát triển văn hóa và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn ở nước sở tại và các nước lân cận;

k) Phối hợp với chính quyền các cấp của quốc gia nơi đặt trụ sở trong việc nghiên cứu nhu cầu hoạt động văn hoá, và các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ở nước sở tại và các nước lân cận.

3. Mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại quốc gia nơi đặt trụ sở và địa bàn lân cận.

4. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác thống kê, báo cáo về hoạt động chuyên môn theo quy định.

5. Đề xuất, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam về đầu tư, xây dựng cơ bản và quy định có liên quan của quốc gia tiếp nhận, phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia nơi đặt trụ sở.

6. Thực hiện xã hội hóa, hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, vận hành và tổ chức các hoạt động của Trung tâm.

8. Đề xuất hình thức khen thưởng thích hợp đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Trung tâm.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc; quản lý, sử dụng viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức của Trung tâm.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

1. Việc xác định cơ cấu tổ chức của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng, ban hoặc các tổ chức cấu thành tương đương.

3. Căn cứ vào các quy định có liên quan, Giám đốc Trung tâm xây dựng vị trí việc làm viên chức; xác định số lượng người làm việc tại Trung tâm, trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 8. Quản lý viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm

1. Việc quản lý viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm thực hiện theo các quy định về quản lý, sử dụng viên chức và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan và pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở, Giám đốc Trung tâm ban hành quy chế làm việc của Trung tâm, trong đó có các nội dung về quản lý viên chức, người lao động.

3. Giám đốc Trung tâm được Bộ trưởng xem xét, đề nghị Bộ Ngoại giao bổ nhiệm chức vụ ngoại giao theo các quy định của pháp luật.

4. Viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm được hưởng các chế độ theo quy định tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Nghị định số 366/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2026 và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được cử đi làm việc tại các Trung tâm theo chế độ nhiệm kỳ và thực hiện nhiệm vụ của viên chức, người lao động của Trung tâm. Nhiệm kỳ của viên chức, người lao động của Trung tâm là 03 (ba) năm.

6. Giám đốc Trung tâm quyết định thuê người lao động tại quốc gia nơi đặt trụ sở bằng hình thức hợp đồng lao động sau khi được Bộ trưởng cho phép bằng văn bản và tuân thủ pháp luật của nước sở tại. Tiền công trả cho người lao động phù hợp với mặt bằng giá cả tại quốc gia nơi đặt trụ sở và trong phạm vi dự toán kinh phí được phân bổ. Giám đốc Trung tâm quyết định việc tăng, giảm tiền công trả cho người lao động đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý.

Điều 9. Cơ chế hoạt động của Trung tâm

1. Trung tâm chịu sự quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và sự chỉ đạo, hướng dẫn về đối ngoại của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia nơi đặt trụ sở.

2. Việc thực hiện các hoạt động của Trung tâm tuân thủ pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở.

Điều 10. Chế độ cung cấp thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm, Trung tâm báo cáo tình hình hoạt động về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 10 tháng 6 và báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 11 hàng năm.

2. Các báo cáo định kỳ khác, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Trung tâm theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hợp tác quốc tế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 10/2011/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tổ chức và hoạt động của các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục kiểm tra VBQLPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL (Sở VHTT) các tỉnh, TP;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT của Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VHTTCSGĐ. DThuy.150.

BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh